

Unit 11: Are we there yet? (Chúng ta đến nơi chưa?)



Part 1: Conversation

Phần 1: Hội thoại

Conversation A - Hội thoại A

Passenger: Are we there yet?

Khách: Chúng ta đến nơi chưa?

Driver: Almost...1 minute.....OK. Here we are.

Tài xế: Sắp đến rồi...Một phút nữa thôi...OK, giờ chúng ta đến nơi rồi đây.

Passenger: Where's the hotel?

Khách: Khách sạn ở đâu nhỉ?

Driver: There, on your right.

Tài xế: Ở kia, bên phải chị.

Passenger: Ah, there it is. That was a nice ride. Thank you!

Khách: A, đây rồi. Chuyến đi rất dễ chịu. Cảm ơn anh nhé!

Driver: You're welcome. Please give me a 5-star rating on the app if you're satisfied with the service.

Tài xế: Không có gì. Nếu chị hài lòng, hãy đánh giá 5 sao cho tôi trên ứng dụng nhé.

Conversation B - Hội thoại B

Passenger: Are we almost there?

Khách: Chúng ta sắp đến nơi chưa?

Driver: Nearly there.

Tài xế: Gần đến nơi rồi.

Passenger: How far is it?

Khách: Còn bao xa nữa?

Driver: A few kilometers to go. About 5 minutes. Are you in a hurry?

Tài xế: Còn vài ki lô mét nữa. Chắc khoảng 5 phút. Anh đang vội ả?

Passenger: No, I'm just wondering.

Khách: Không, tôi chỉ đang tự hỏi.

Driver: We've arrived.

Tài xế: Chúng ta đến rồi đây.

Passenger: Where is the train station?

Khách: Ga tàu ở đâu nhỉ?

Driver: Over there, in front of you.

Tài xế: Ở đằng kia, phía trước anh.



Unit 11: Are we there yet? (Chúng ta đến nơi chưa?)



Part 2: Check it

Phần 2: Kiểm tra

2.1 Match the word to the definition. (Ghép từ với định nghĩa)

1. Hotel (N)	A. A place where travellers stay and sleep.
2. Right (N)	B. The opposite of left, the direction to the side of a person's dominant hand.
3. Train station (N)	C. A place where trains stop for passengers to get on or off.
4. Ride (N)	D. Traveling in a vehicle as a passenger.
5. App (N)	E. A program or software used on smartphones or electronic devices.
6. Almost (Adv)	F. Nearly, very close to but not completely.
7. Minute (N)	G. A unit of time equal to 60 seconds.
8. Hurry (N)	H. Moving or acting quickly due to a sense of urgency.
9. Wondering (Ving)	I. Feeling curious or unsure, having questions in mind.
10. Arrive (N)	J. To reach a specific destination or location.
11. In front of (Prep.)	K. The forward-facing side or part of something.
12. Appreciate (N)	L. To understand and value the importance or worth of something, to feel thankful or grateful.

2.2 Complete the sentences (Hoàn thành câu)



Passenger: Are we _____ there?

Driver: _____ there.

Passenger: How _____ is it?

Driver: A few kilometers to go. _____ 5 minutes. Are you in a hurry?

Passenger: No, I'm just _____.

Driver: We've _____.

Passenger: Where is the train station?

Driver: _____, in front of you.

Passenger: Ah, _____ it is. That was a nice ride. Thank you!

Driver: Thank you. Please give me 5 stars on the app.

Unit 11: Are we there yet? (Chúng ta đến nơi chưa?)



Part 2: Check it

Phần 2: Kiểm tra

2.3 Create your own conversation. (Tạo cuộc trò chuyện của riêng bạn)

Create a dialogue between a passenger and a taxi driver discussing the location of a specific landmark, such as a museum or restaurant. Use phrases from the conversation to guide the conversation.

.....

.....

.....

.....

.....

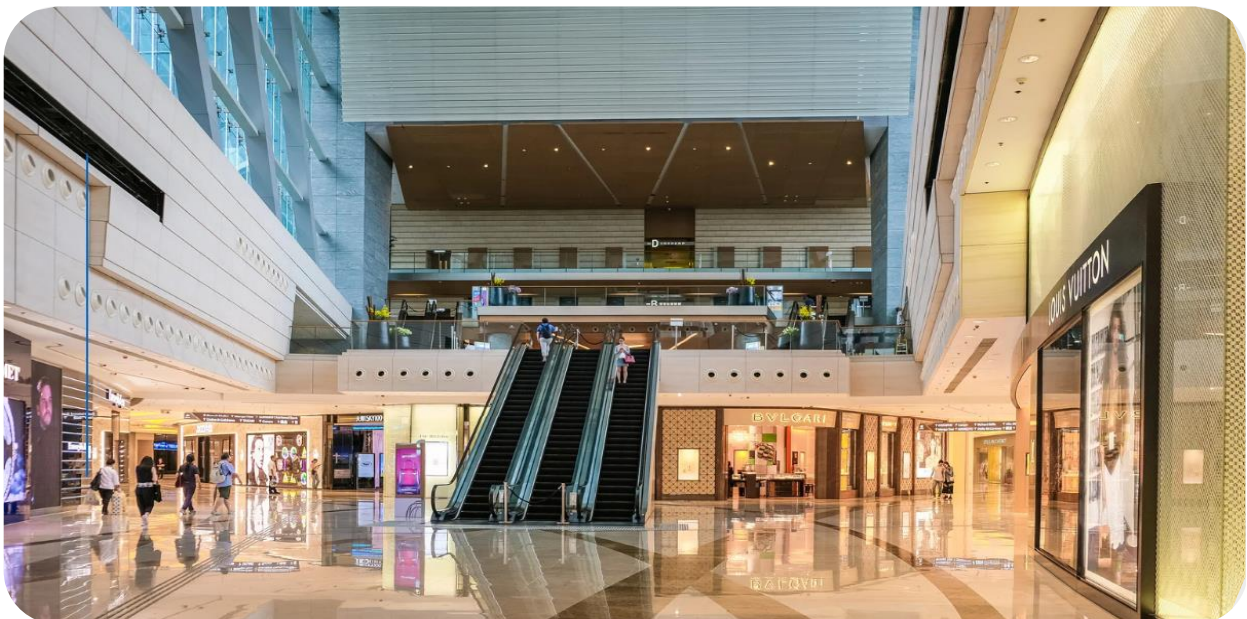
.....

.....

.....

2.4 Role-play. (Đóng vai)

Role-play a conversation between a passenger and a taxi driver arriving at a shopping mall. The passenger wants to know the exact location of the entrance. Use phrases from the conversation to provide the necessary information.



Unit 11: Are we there yet? (Chúng ta đến nơi chưa?)



Test yourself

Tự Kiểm tra

Word I've learned to use (Những từ đã học)

.....

.....

Phrases I've learned to use (Những cụm từ đã học)

.....

.....

Sentences I've practiced (Những mẫu câu đã thực hành)

.....

.....

